

Số: 35/2019/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 08 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Sần Thị T**; Sinh năm 1998; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Bị đơn: Anh **Lý Tà N**; Sinh năm 1992; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:Chị Sần Thị T và anh Lý Tà N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Sần Thị T và anh Lý Tà N nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Sần Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Ngọc H; sinh ngày 28/3/2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; Anh Lý Tà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Mai P; sinh ngày 11/4/2016 cho đến

khi cháu P đủ 18 tuổi. Chị T, anh N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Các đương sự thỏa thuận chị Sần Thị T chịu 150.000 đ án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, chị Sần Thị T được trả lại 150.000đ, (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2013/05120 ngày 22/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại Điều 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

THẨM PHÁN

(Đã ký đóng dấu)

Hoàng Văn Thuận